

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành và nợ đọng XDCB đến thời điểm 15/8/2017 trên địa bàn huyện Nga Sơn**

Thực hiện công văn số 3458/STC-ĐT ngày 18/8/2017 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo và kiểm tra công tác quyết toán dự án hoàn thành theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh. UBND huyện Nga Sơn tổng hợp báo cáo Sở Tài chính như sau:

#### **1. Tình hình thực hiện công tác quyết toán dự án hoàn thành.**

##### **1.1. Kết quả triển khai thực hiện.**

Ban hành hướng dẫn UBND các xã, thị trấn, các chủ đầu tư thủ tục, trình tự và thời hạn quyết toán các dự án hoàn thành; đồng thời chỉ đạo, đôn đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; UBND các xã, thị trấn; các Chủ đầu tư thực hiện tốt các quy định về quyết toán dự án hoàn thành. Tính đến thời điểm 15/8/2017, Hội đồng duyệt quyết toán huyện đã thẩm tra, phê duyệt quyết toán được 22 công trình, trong đó 07 công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND huyện và 15 công trình thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Chủ tịch UBND cấp xã (Chi tiết kèm theo Biểu số 1).

##### **1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.**

- Công tác lập báo cáo trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của các Ban quản lý dự án, các chủ đầu tư còn chậm, nhiều dự án quá thời hạn theo quy định;
- Hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán một số dự án chưa đảm bảo theo quy định làm ảnh hưởng tới thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

##### **\* Nguyên nhân.**

- Một số nhà thầu thiếu trách nhiệm trong việc phối hợp hoàn thiện hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán;
- Một số Chủ đầu tư còn hạn chế về năng lực, thời gian bổ sung hồ sơ kéo dài;
- Số lượng hồ sơ gửi về Hội đồng duyệt quyết toán huyện tương đối lớn, trong khi số lượng cán bộ trực tiếp thẩm tra được biên chế 01 đồng chí;

##### **1.3. Đề xuất giải pháp khắc phục.**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán; kiên quyết xử lý các nhà thầu, các chủ đầu tư không tuân thủ các quy định về thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành;

#### **2. Tình hình nợ đọng XDCB .**

##### **2.1. Kết quả triển khai chỉ đạo.**

Công tác chỉ đạo điều hành trong lĩnh vực đầu tư xây dựng được UBND huyện và các cấp, ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm theo Chỉ thị số



27/CT - TTg ngày 10/10/2012 về những giải pháp chủ yếu khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản tại các địa phương và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/6/2013 về tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng từ nguồn ngân sách nhà nước. Việc lập, thẩm định dự án, thiết kế được chú trọng hơn, kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong việc triển khai thực hiện và phân bổ nguồn vốn các dự án nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

### **2.2. Tình hình xử lý nợ đọng XD CB theo từng nguồn vốn.**

Việc quản lý tạm ứng và thanh toán vốn được các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo đúng quy định, công tác quyết toán các dự án hoàn thành có nhiều chuyển biến, các dự án hoàn thành cơ bản được quyết toán kịp thời.

Công tác phân bổ nguồn vốn đầu tư được thực hiện theo tiêu chí và quyết định đầu tư đảm bảo theo cơ cấu quy định, hạn chế tối đa bố trí vốn cho dự án mới, dành vốn thanh toán nợ đọng XD CB, thực hiện thanh toán vốn theo khối lượng hoàn thành và giải ngân chủ yếu cho khối lượng hoàn thành ( *Theo biểu mẫu đính kèm*).

### **2.3. Tồn tại, hạn chế.**

Công tác chuẩn bị đầu tư được thực hiện tốt trong kế hoạch hàng năm, tuy nhiên do nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong năm còn phát sinh dự án mới nên việc cân đối nguồn vốn đầu tư gặp khó khăn.

Một số địa phương công tác lựa chọn nhà tư vấn xây dựng còn nhiều bất cập dẫn tới nhiều dự án phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, tổng mức đầu tư gây khó khăn trong quá trình thực hiện và làm chậm tiến độ đầu tư xây dựng công trình.

Công tác giải phóng mặt bằng vẫn còn gặp nhiều khó khăn nhất định.

#### **\* Nguyên nhân khách quan.**

Nền kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, thu ngân sách nhà nước vẫn còn gặp khó khăn nhất định, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ (nguồn vốn hỗ trợ từ cấp trên) chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư để hoàn thành các dự án.

Nguồn vốn huy động của cấp xã chủ yếu từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất nhưng một số địa phương không thực hiện được theo kế hoạch do thị trường bất động sản trầm lắng và kế hoạch đấu giá chậm.

#### **\* Nguyên nhân chủ quan.**

- Khi có chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, một số địa phương do tư tưởng nóng vội muốn tranh thủ sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước mà không căn cứ vào khả năng ngân sách và khả năng huy động vốn trước khi quyết định đầu tư công trình, hoặc cùng lúc triển khai nhiều công trình nên khi dự án đã hoàn thành chưa có nguồn vốn để thanh toán.

- Một số chủ đầu tư, ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn, nhà thầu xây dựng năng lực còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Công tác kiểm tra, đôn đốc trong quản lý đầu tư, thi công các công trình chưa kịp thời và chưa kiên quyết đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và hoàn thành công trình chậm so với thời gian quy định.





ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGA SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG TÁC QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐẾN NGÀY 15/8/2017**

(Kèm theo Báo cáo số 30A/BC-UBND ngày 30/8/2017 của UBND huyện Nga Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên Công trình, Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyệt/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tính	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>TỔNG CỘNG (A+B+C):</b>										
<b>A</b>	<b>DA cấp tỉnh quản lý (DA đã hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán):</b>									
1	DA chưa nộp hồ sơ quyết toán trong hạn:									
-	Phát triển cơ sở hạ tầng ven biển huyện Nga Sơn	1/2013-	1/2013-3/2017	255.489.0	33.857.0		255.489.0	31.719.0	6.850.0	
-	Trung tâm Y tế huyện Nga Sơn	9/2015-	9/2015-7/2017	18.742.0	14.300.0		18.410.0	14.300.0	5.300.0	
-	Kiên cố kênh tưới trạm bơm Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	11/2016- 05/2017	11/2016- 2017	4.847.0	3.400.0		3.877.0	3.400.0	1.200.0	
2	DA chậm nộp hồ sơ quyết toán dưới 12 tháng									
3	DA chậm nộp hồ sơ quyết toán trên 12 tháng									
<b>B</b>	<b>DA cấp huyện, tp, thị xã quản lý:</b>									
<b>I</b>	<b>DA đã phê duyệt quyết toán:</b>									
-	Hệ thống đèn trang trí tại Trung tâm Thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn	12/2014 1/2015	12/2014 1/2015	2.626.0			2544 2626	2.382.0	582.0	
-	Xây dựng cụm tin trên quốc lộ 10 xã Nga Giáp, cụm tin trên đường tỉnh lộ 508 xã Nga Mỹ và cụm tin ngã tư xã Nga Nhân huyện Nga Sơn	10/2015- 12/2015	10/2015- 11/2015	829.0			751 829	525.0	125.0	
-	Bảo tồn tôn tạo khu di tích lịch sử đền thờ Mai an Liêm	1/2014	1/2014	671.0			594	400.0		
-	Hạng mục: Nội thất đèn màu và bộ bồn hoa B11 02; B11 05	2/2014	2/2014				671			
-	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 Trung tâm thể dục thể thao huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	1/9/2015 1/10/2015	1/9/2015 1/10/2015	450.0			328 328	250.0		
-	Kẻ gờ có mái, kênh thoát nước trước công bệnh viện huyện Nga Sơn	29/06/2016 18/09/2016	29/06/2016 18/09/2016	492.0			422 432	60.0	60.0	



TT	Tên Công trình, Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyet/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tỉnh	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Chợ, Trung tâm thương mại và khu dân cư Thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn. Hạng mục: San lấp mặt bằng khu dân cư và tái định cư	08/2014-04/2015	9/2014-6/2017	4.037,0			4.308,0	2.400,0	300,0	Thực hiện điều chỉnh dự án
-	Nhà truyền thống huyện Nga Sơn	12/2015-12/2016	12/2015-01/2017	13.428,0			13.396,0	6.200,0	2.700,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Xây dựng nhà làm việc hội người mù và nhà trực bảo vệ Chi cục thi hành án, huyện Nga Sơn	2/2016-3/2017	2/2016-3/2017	930,0			854,0	290,0	90,0	
-	Hệ thống đèn trang trí tại Trung tâm Thị Trấn Nga Sơn, tuyến đường vào Sân vận động kéo dài	23/11/2016-23/1/2017	23/11/2016-23/1/2017	764,0			764,0	300,0	300,0	
2	DA chậm nộp hồ sơ quyết toán dưới 12 tháng									
3	DA chậm nộp hồ sơ quyết toán trên 12 tháng									
-	Chợ, Trung tâm thương mại và khu dân cư Thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật điện chợ, trung tâm thương mại, tái định cư và đường phía Tây chợ	8/2016-10/2016	8/2016-10/2016	6.921,0			6.607,0			Thực hiện điều chỉnh dự án
-	Đường vào Sân vận động huyện kéo dài	12/2015-3/2016	12/2015-3/2016	6.378,0			6.378,0	6.200,0	4.100,0	Đo điều chỉnh, bổ sung dự án
-	Sửa chữa, và láng mặt nhựa tuyến đường giao thông từ chi nhánh điện đi thị trấn Nga Sơn, đoạn Km0+00 - Km0+370; Hạng mục: Sửa chữa và láng mặt đường	1/2016-3/2016	1/2016-3/2016	615,0			559,0			
-	Sửa chữa cống tiêu tại Km1+550 trên kênh Văn Trường	9/2015-4/2016	9/2015-4/2016	1.072,0			982,0			Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Thiện và sửa chữa cầu tại Km2+773 trên kênh tưới bắc trạm bơm Xa Loan xã Nga Trường phục vụ chống hạn năm 2015	8/2015-9/2015	8/2015-9/2015	718,0			659,0	490,0		
-	Nạo vét kênh Cầu Rôm xã Nga Mỹ, Nga Hưng và sửa chữa kênh tiêu sau nhà máy may Winners Vina phục vụ chống hạn năm 2015, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	8/2015-9/2015	8/2015-9/2015	718,0			659,0	490,0		
-	Sửa chữa, cải tạo ao sen và cầu vào động Từ Thục, xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	12/2015-3/2016	12/2015-3/2016	944,0			944,0	520,0	120,0	
-	Đường GI nội bộ trục Đông Lầy và nạo vét sông Voi	10/2012-12/2015	10/2012-12/2015	28.806,0			28.699,0	20.554,0	3.200,0	Chờ KI, Kiểm toán và hoàn thiện HSQT

TT	Tên Công trình, Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyet/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tỉnh	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Cải tạo, nâng cấp trường mầm và công trường rào Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn.	7/2014 3/2015	7/2014 3/2015	2.664.0			2.447.0	1.510.0	210.0	
-	Nhà QL khu di tích Mai An Tiêm huyện Nga Sơn	10/2014 1/2015	10/2014 1/2015	725.0			725.0	500.0		
-	Trụ Sở làm việc UBND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Hạng mục : Cải tạo, nâng cấp phòng khách tầng hai	12/2014 12/2015	12/2014 12/2015	1.171.0			1.171.0	900.0		
-	QH Nạo vét tôn tạo cảnh quan Sông Voi, xã Nga Phú, huyện Nga Sơn	2/012		1.058.0			1.058.0	953.0		
-	Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Xây dựng tường rào loại 2; loại 3	12/9/2016 12/12/2016	12/9/2016 12/12/2016	1.196.0						
-	Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Xây dựng Sân bóng chuyền, sân bóng rổ và xã đơn	15/9/2016 15/12/2016	15/9/2016 15/12/2016	1.216.0						
-	Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Sân để xe	13/9/2016 13/12/2016	13/9/2016 13/12/2016	1.215.0						
-	Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Tường rào loại 1 Sân Vận động	13/9/2016 13/12/2016	13/9/2016 13/12/2016	948.0						Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Trung tâm văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Tường rào loại 1 nhà thi đấu	25/6/2016 25/9/2016	25/6/2016 25/9/2016	1.084.0						
-	Cải tạo rãnh thoát nước đường Trung tâm Hành chính Thị Trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn	10/2016		1.070.0			922.0	300.0	300.0	
-	Hệ thống thoát nước tự đường Tỉnh lộ 527 di thôn Điền Hò, xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	23/9/2016- 23/11/2016	23/9/2016- 23/11/2016	1.105.0			1.005.0	393.0	150.0	
-	Tồn cao áp trực bờ kênh tưới trạm bơm Nga Thiện đoạn từ nghĩa địa đến cầu vào động Tư Thức phục vụ chống hạn năm 2015, huyện Nga Sơn	11/2015- 12/2015	11/2015- 12/2015	1.177.0			1.014.0	920.0		
-	Đập ngăn mặn sông cam 2016	4/2016- 4/2016	4/2016-4/2016	548.0			548.0	426.0		
-	Kè mái kênh và năm dòng kênh Hưng, đoạn hạ lưu cầu Yêu Hai khắc phục sạt lở bờ do mưa bão gây ra năm 2015.	7/2016- 8/2016	7/2016-8/2016	1.094.0			995.0	180.0	180.0	

TT	Tên Công trình, Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyệt/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tỉnh	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Nạo vét kênh tiêu cần cụt để trữ nước chống hạn vụ chiêm xuân 2016, đoạn từ K0+000 đến K2+020 xã Nga Điền, huyện Nga Sơn	9/2016-10/2016	9/2016-10/2016	694.0			694.0	500.0		
<b>C</b>	<b>DA cấp xã, phường, thị trấn quản lý:</b>									
<b>I</b>	<b>DA đã phê duyệt quyết toán:</b>									
	<b>XÃ NGA YÊN</b>									
-	Sân nền, công tường rào nhà bảo vệ	2012-2013	2012-2014	7.113.0			6553 6708	6.100.0	1.000.0	
-	Sân đường nội bộ, bê cạnh, bồn hoa			6.063.0			5568 5350	5.029.0	1.000.0	
-	Nhà 2 tầng trạm Y tế	5/2015	12/2015	2.992.0			2870 2992	2.870.0	300.0	
-	Công trình phụ trợ trạm Y tế	5/2015	12/2015	1.779.0			1687 1779	1.687.0	300.0	
-	Đường GTND tuyến số 1 đến số 3	7/2014	2/2016	2.665.0			2554 2665	2.554.0	250.0	
-	Đường GTND tuyến số 4 đến số 6	7/2014	2/2016	1.928.0			1872 1928	1.872.0	350.0	
-	Đường GTND tuyến số 7 đến số 9	7/2014	2/2016	801.0			801 801	801.0	200.0	
-	Đường GT nạo vét kênh mương	7/2014	2/2016	1.334.0			1334 1334	1.334.0	500.0	
-	Đường mương vùng rau an toàn	7/2014	2/2016	2.271.0			2178 2271	2.178.0	300.0	
-	Đường nối từ trạm Y tế với đường Yên Hải	10/2015	3/2016	3.358.0			3248 3358	3.358.0	400.0	
	<b>THỊ TRẤN NGA SƠN</b>									
-	Cải tạo công sở	2013	2014	698.0			654 663	616.0		
-	Cải tạo công sở giai đoạn 2	2014	2014	462.0			407 415	64.0		
-	Cải tạo, chỉnh trang nghĩa trang vườn Trại	2014	2015	2.687.0			2451 2533	1.747.0		
-	Đường hạ tầng khu dân cư Ba Đình 1	2014	2016	2.237.0			2138 2237	1.937.0	172.0	





TT	Tên Công trình. Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyet/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tính	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Dự án: Đường giao thông tuyến 3-4	9/2015	12/2015	1.217.0	1.217.0		1.217.0	1.000.0		Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ
III	<b>DA đã hoàn thành chưa nộp hồ sơ quyết toán</b>									
1	DA chưa nộp hồ sơ quyết toán trong hạn:									
	<b>XÃ NGA BẠCH</b>									
-	Nhà lớp học bộ môn trường THCS	8/2016 01/2017	8/2016 02/2017	2.700.0			2.500.0	1.780.0	1.780.0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Khuôn viên trường THCS	3/2017 6/2017	3/2017 6/2017	870.0			870.0			
-	Kênh tiêu từ cống cầu Đỉnh đến cống ống duệ	11/2016 3/2017	11/2016 3/2017	973.0			973.0	452.0	452.0	
-	Kênh tiêu từ cống ống thu đến trạm điện	11/2016 3/2017	11/2016 3/2017	731.0			731.0			
-	Đường x5 đi cống Ông Đình	12/2016 02/2017	12/2016 3/2017	480.0			452.0	240.0	240.0	
	<b>XÃ NGA THÁI</b>									
	Sân văn hóa thể thao xã	7/16-12/17	7/16-6/17	5.468.0	3.500.0				3.600.0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
	<b>XÃ NGA THÀNH</b>									
-	Đường cửa hữu trước ủy ban	2.016	2.016	1.280.0				1.034.0	-	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Đường nối nga liền đi Nga Thành	2.016	2.016	803.0				580.0	-	
-	Đường nối Nga Thành đi Nga An 403	2.016	2.016	512.0				281.0	-	
-	Đường nối Nga Thành đi Nga An 993	2.016	2.016	856.0				698.0	-	
-	Đường Ngõ trọng đi Trang trại	2.016	2.016	450.0				329.0	-	
-	Đường vào nghĩa địa mã lớn	2.016	2.016	448.0				100.0	-	
-	Đường vào khu trang trại chân thông	2.016	2.016	754.0				450.0	-	
-	Kênh ống tôn đi ống hành	2.016	2.016	494.0				300.0	-	
-	Cầu qua kênh vượt cấp ta Km 648	2.016	2.016	1.143.0				580.0	580.0	

TT	Tên Công trình. Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyet/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tỉnh	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	<b>XÃ NGA VÃN</b>									
-	Đường GT xóm 9 đi đường núi Sến	2016	2017	1.588.1		1.588.1			305.0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
5	<b>THỊ TRẤN NGA SƠN</b>									
-	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng & sinh hoạt các KDC mới	2.016		1.670.0			1.670.0	200.0	200.0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Cải tạo trạm Y tế	2.015		3.255.0				1.553.0	862.0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
2	DA chậm nộp hồ sơ quyết toán dưới 12 tháng									
1	<b>XÃ NGA GIÁP</b>									
-	HT thoát nước từ xã đi làng ngoại	2.015	2.016	1.009.0				785.0	224.0	
-	Sân thể thao xã	2.015	2.016	2.691.0				2.133.0	558.0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Cải tạo trạm xa	2.016	2.016	709.0				500.0	209.0	
-	Công sở 3 tầng	2.015	2.017	6.690.0	3.500.0			5.090.0	1.600.0	
-	Cầu qua kênh Nội 4	2.016	2.017	837.0				628.0	209.0	
2	<b>XÃ NGA TÂN</b>									
-	Nhà hội trường xã	2015-2016	2015-2016	5.543.0		4.500.0		2.500.0		Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Nhà bia tường mệng LS	2015-2016	2015-2016	1.582.0						
-	Xây dựng 3 cầu giao thông sông 10	2016-2017	2016-2017	1.126.0	1.126.0		1.121.0	468.0	64.0	
3	<b>XÃ NGA THÁI</b>									
-	Công sở xã	4-16-12-17	4-16-4-17	9.670.0					4.500.0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Trường mầm non	7-16-12-17	7-16-4-17	5.510.0					4.700.0	
4	<b>XÃ NGA THUY</b>									
-	Dự án lai ghép sản trường	3-2016- 11-2016	3-2016- 11-2016	541.0			491.0	470.0		

TT	Tên Công trình. Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyet/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tỉnh	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Dự án nhà hiệu bộ mầm non	8/2016- 12/2016	8/2016- 12/2016	1.251,0			1.133,0	900,0		Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ công sở	3/2016- 12/2016	3/2016- 12/2016	2.983,0			1.776,0	1.045,0		
-	Dự án Cải tạo nâng cấp công sở UBND xã Nga Thụy T.HM; khuôn viên UBND xã	6/2016- 8/2016	6/2016-8/2016	381,0			364,0			
5	<b>XÃ NGA TIẾN</b>									
-	Dự án : Trung tâm VH thể thao	9/2016	4/2017	6.826,0	6.826,0			3.800,0	1.300,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
6	<b>XÃ NGA TRƯỜNG</b>									
-	Công trình nâng trang lãng đường Dân Tiến	01-06-2016	05-04-2017	4.010,0				700,0	700,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Công trình nhà đa năng trường tiểu học xã	01-12-2015	01-12-2017	3.900,0				1.400,0	600,0	
7	<b>THỊ TRẤN NGA SƠN</b>									
-	Đường giao thông vào nhà văn hóa Tiểu khu 3	2.015		1.731,0				1.155,0	160,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Nhà tập Đa năng trường TH Thị trấn	2.015		2.588,0				1.092,0		
-	Sân : rãnh trường Tiểu học	2.016		828,0				317,0	356,0	
-	Chợ : trung tâm thương mại Thị Trấn	2.014		23.421,0				12.451,0		
8	<b>XÃ NGA ĐIỀN</b>									
-	Công sở xã									Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ
3	DA chậm nộp hồ sơ quyết toán trên 12 tháng									
1	<b>XÃ NGA GIÁP</b>									
-	KKH Kênh mương B7A	2.011	2.013	1.078,0				800,0	278,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ



TT	Tên Công trình, Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC- HT (theo thực tế)	Tổng mức dầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyệt/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tính	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Dự án: nhà lớp học 3 phòng, nhà trực bảo vệ, nhà để xe, sân đường nội bộ	5/2014- 6/2015	5/2014-6/2015	3.659,0			3.307,0	3.093,0		Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
<b>8</b>	<b>XÃ NGA TRƯỜNG</b>									
-	Công trình công sở xã Nga Trường	01-03-2013	15/01/2015	7.480,0	3.000,0			6.700,0	600,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
<b>9</b>	<b>XÃ NGA VẠN</b>									
-	Khuôn viên công cơ	0	0	1.178,3		1.178,3			700,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Nhà công vụ	2015	2016	1.152,4		1.152,4			900,0	
-	Đường bê tông xóm 1-3	2014	2014	1.562,4		1.562,4			897,6	
-	Đường bê tông xóm 2-6-9	2014	2014	2.536,3		2.536,3			1.452,0	
-	Đường bê tông xóm 10	2015	2015	478,0		478,0			309,8	
-	Nhà lễ chợ Hoàng	2015	2016	1.006,3		1.006,3			619,6	
-	Sân lập MB chợ Hoàng	2016	2016	835,3		835,3				
-	Đường GI cầu Thổ đi Gò Bính	2015	2015	1.213,1		1.213,1			550,0	
-	Đường GI ở Ninh đi Đồng Lộ	2015	2016	1.467,5		1.467,5			550,0	
-	Đường GI Gò Bính đi đập ở Trù	2015	2015	306,8		306,8				
-	Đường GI lấy sản Vận động	2016	2016	269,6		269,6				
-	Công sở xã	2012	2012	6.205,5	1.750,0	4.455,5			3.575,0	
<b>10</b>	<b>XÃ NGA YÊN</b>									
-	Nhà văn hóa, nhà công sở xã Nga Yên	02/2013	5/2015	27.336,0	3.500,0		25.907,0	25.907,0	2.500,0	Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Đường GI ND tuyến 1 đến tuyến 4	10/2012	02/2015	2.548,0	-	-			300,0	
-	Đường GI ND tuyến 5 đến tuyến 10,2	10/2012	02/2015	2.664,0	-	-			500,0	
-	Đường GI ND tuyến 11 đến tuyến 12	10/2012	02/2015	2.507,0	-	-			400,0	
-	Kiến cơ hoá kênh mương từ Chùa già đến con 4 của	5/2014	10/2015	1.527,0	-	-			350,0	

TT	Tên Công trình, Dự án	Thời gian KC - HT (theo ĐA)	Thời gian KC HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyệt/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tỉnh	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>11</b>	<b>THỊ TRẤN NGA SƠN</b>									
-	Cải tạo trường THCS thành trường Mầm Non	2.014		3.080.0				2.855.0		Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Cải tạo trường THCS thành trường Mầm Non giai đoạn 2	2.014		1.054.0				501.0		
-	Cải tạo chính trang nghĩa trang đồng một	2.014		2.410.0				2.011.0		
-	Đường GT từ nhà Ông Hội đi 527	2.014		1.022.0				897.0		
<b>12</b>	<b>XÃ NGA MỸ</b>									
-	Đường GT tuyến trạm y tế di thôn 7	2.014	2.015	1.103.0			881.0			Nhà thầu chậm hoàn thiện Hồ sơ quyết toán
-	Đường GT tuyến 5, 6, 7	2.014	2.015	2.949.0			2.291.0			
-	Kênh mương thôn 2 và thôn 8	2.014	2.015	963.0			893.0			
-	CI phụ trợ công trường rào UB	2.014	2.015	4.192.0			3.417.0			
-	CI trạm y tế xã Nga Mỹ	2.014	2.015	3.439.0			2.707.0			
-	Đường GTNT Thôn 1 - 12 đi 17	2.014	2.015	2.458.0			1.967.0			
-	Đường GTND thôn 8 : Kênh N1 đến ruộng mặt thôn 8	2.014	2.015	1.312.0			1.060.0			
-	CI Nghĩa trang chùa sinh: Hàng mục: Công trường rào, đường ngoài trời	2.015	2.016	2.292.0			1.695.0			
-	CI Nghĩa trang chùa sinh: Hàng mục: Đường bê tông, rãnh thoát nước	2.015	2.016	2.241.0			1.659.0			
-	CI Nghĩa trang mã vai Xóm 1: Hàng mục: Đường bê tông	2.015	2.016	2.724.0			2.256.0			
-	CI Nghĩa trang mã vai Xóm 1: Hàng mục: Công trường rào	2.015	2.016	1.672.0			1.238.0			
-	CI Nghĩa trang Đông 1: Hàng mục: Công trường rào, đường ngoài trời	2.015	2.016	2.670.0			2.197.0			
-	CI Nghĩa trang Đông 1: Hàng mục: Đường bê tông, rãnh thoát nước	2.015	2.016	2.982.0			2.223.0			
-	CI Nghĩa trang Bãi dượng: Hàng mục: San nền tạo mặt bằng	2.015	2.016	2.997.0			2.045.0			
-	CI Nghĩa trang Bãi dượng: Hàng mục: Đường bê tông, rãnh thoát nước	2.015	2.016	2.998.0			2.315.0			
-	CI Nghĩa trang mã vai Xóm 2: Hàng mục: Đường bê tông và san nền	2.015	2.016	2.687.0			1.989.0			
-	CI Nghĩa trang mã vai Xóm 2: Hàng mục: Công trường rào rãnh thoát nước	2.015	2.016	2.915.0			2.388.0			

TT	Tên Công trình, Dự án	Thời gian KC - HT (theo DA)	Thời gian KC HT (theo thực tế)	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị QT đã duyet/ Giá trị QT A-B	KH vốn lũy kế đã giao	Trong đó: KH vốn 2017	Nguyên nhân chậm nộp
					Vốn NS tính	Vốn NS TW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
-	Đường GT tuyến thôn 4 và thôn 5	2.016	2.016	2.348,0			1.841,0			
-	Kênh mương thôn 5 và thôn 6	2.016	2.016	1.966,0			1.841,0			
-	Đường GNT 14 508 đi N3	2.016	2.016	826,0			622,0			
-	CT sản van xã Nga Mỹ	2.016	2.016	2.649,0			2.113,0			
-	Đường GTND 7,8,9,10	2.016	2.016	2.064,0			2.064,0			
-	ĐGTND tuyến QL10 đi xóm trại	2.016	2.016	466,0			325,0			





Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL. thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL. thực hiện năm 2015- 2016		Tổng số	Xử lý nợ KL. t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL. t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KL. t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL. t/hiện đến 31/12/2014	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
a/	<i>Dự án hoàn thành:</i>											
a1	<i>Dự án hoàn thành đã phê duyệt QT</i>											
a2	<i>Dự án hoàn thành chưa phê duyệt QT</i>											
b/	<i>Dự án đang thực hiện:</i>											
<b>II</b>	<b>DA cấp huyện, tp, thị xã quản lý:</b>	<b>111,285.0</b>	<b>6,562.0</b>	<b>104,723.0</b>		<b>29,501.0</b>	<b>2,797.0</b>	<b>26,704.0</b>		<b>81,784.0</b>	<b>3,765.0</b>	
1	Đường GT Nga Hưng đi Nga Bạch	208.0	208.0	-	-	208.0	208.0	-	-	-	-	
2	Cống điều tiết trên kênh Nam Xa Loan	116.0	116.0	-	-	116.0	116.0	-	-	-	-	
3	Nạo vét kênh tiêu từ nhà máy may Winnes Vina	143.0	143.0	-	-	143.0	143.0	-	-	-	-	
4	Cống điều tiết trên kênh Cầu huyện xã Nga Hai	162.0	162.0	-	-	162.0	162.0	-	-	-	-	
5	Cống tiêu chân nuôi trên kênh An Thái xã Nga Thái	299.0	299.0	-	-	299.0	299.0	-	-	-	-	
6	Sửa chữa mặt đê hữu sông hoạt huyện Nga Sơn đoạn từ K00+00 đến K14+500	70.0	70.0	-	-	70.0	70.0	-	-	-	-	
7	Cải tạo môi trường tổng hợp sông hưng long đoàn từ cầu mậu tại đến trường Trần Phú Thị Trấn Nga Sơn	59.0	59.0	-	-	59.0	59.0	-	-	-	-	
8	Đập ngăn mặn sông cân tại thượng lưu cầu điện hộ 2015	178.0	-	178.0	-	90.0	-	90.0	-	88.0	-	
9	Bao đường mặt đê sông Hoạt từ ngã Thăng đến Nga Thiện, huyện Nga Sơn (1- 12.9km): Tôn cao áp trực đê chân lũ trạm bơm Nga Thiện phục vụ phòng chống lụt bão năm 2014	94.0	94.0	-	-	94.0	94.0	-	-	-	-	
10	Cầu bệnh viện qua kênh Hưng Long, huyện Nga Sơn	524.0	-	524.0	-	270.0	-	270.0	-	254.0	-	
11	Cầu văng II - Thuộc tuyến đường Tân Tiến Thái xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn	429.0	-	429.0	-	220.0	-	220.0	-	209.0	-	
12	Nhà xưởng thực hành trường Trung cấp nghề	307.0	307.0	-	-	-	-	-	-	307.0	307.0	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XD/CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD/CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015+2016		Tổng số	Xử lý nợ KL. t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL. t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KI t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL. t/hiện đến 31/12/2014	
<b>4</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
13	Phân diện chiếu sáng và điện sinh hoạt bắc Trường THPT Ba Đình	90.0	90.0	-	-	90.0	90.0	-	-	-	-	
14	Bãi rác phía Bắc xã Nga Giáp huyện Nga Sơn	76.0	76.0	-	-	76.0	76.0	-	-	-	-	
15	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa mạng lan công sở làm việc UBND huyện	175.0	175.0	-	-	90.0	90.0	-	-	85.0	85.0	
16	Cải tạo công, tường rào, khuôn viên UBND huyện Nga Sơn	429.0	429.0	-	-	220.0	220.0	-	-	209.0	209.0	
17	Hệ thống điện khu di tích lịch sử Mai An Tiêm, huyện Nga Sơn	103.0	103.0	-	-	103.0	103.0	-	-	-	-	
18	Quy hoạch cụm công nghiệp Tam Linh huyện Nga Sơn	163.0	163.0	-	-	163.0	163.0	-	-	-	-	
19	Quy hoạch khu dân cư Bắc Ba Đình huyện Nga Sơn	205.0	205.0	-	-	205.0	205.0	-	-	-	-	
20	Nâng cấp, cải tạo Ao sen nghĩa trang liệt sỹ huyện Nga Sơn	176.0	-	176.0	-	90.0	-	90.0	-	86.0	-	
21	Biển quảng cáo khu di tích Mai An Tiêm	17.0	-	17.0	-	-	-	-	-	17.0	-	
22	Sửa chữa và xây dựng các phòng làm việc Cơ quan Chi cục thuế tại Trung tâm văn hoá, huyện Nga Sơn	111.0	-	111.0	-	60.0	-	60.0	-	51.0	-	
23	Đài truyền thanh huyện Nga Sơn Hạng mục : Hệ thống cột Anten, máy trung tâm, máy phát FM	178.0	-	178.0	-	90.0	-	90.0	-	88.0	-	
24	Đài truyền thanh huyện Nga Sơn Hạng mục : Cải tạo phòng bá âm	223.0	-	223.0	-	120.0	-	120.0	-	103.0	-	
25	Hệ thống đèn trang trí tại Trung tâm Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.	739.0	-	739.0	-	582.0	-	582.0	-	157.0	-	
26	Di chuyển đường dây 10KV nhánh rẽ Trung Tiến lộ 971 TG Nga Sơn, xã Nga Trường, huyện Nga Sơn.	33.0	33.0	-	-	33.0	33.0	-	-	-	-	
27	Tu bổ, tôn tạo khu di tích lịch sử nữ tướng Lê Thị Hoa và danh tướng Trịnh Minh (Phạm NS huyện Nga Sơn)	1.619.0	1.619.0	-	-	128.0	128.0	-	-	1.491.0	1.491.0	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015+2016		Tổng số	Xử lý nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KL t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
28	Điện chiếu sáng vỉa hè Đường vào sân vận động H.Nga Sơn	485.0	485.0	-	-	480.0	480.0	-	-	5.0	5.0	
29	Điện chiếu sáng trang trí dải phân cách đường vào sân vận động huyện Nga Sơn	58.0	58.0	-	-	58.0	58.0	-	-	-	-	
30	Nạo vét kênh cân cụt xã Nga Điền phục vụ chống hạn vụ chiêm xuân năm 2015	705.0	-	705.0	-	360.0	-	360.0	-	345.0	-	
31	Nạo vét kênh cầu cụt phục vụ chống hạn năm 2014	379.0	-	379.0	-	190.0	-	190.0	-	189.0	-	
32	ĐDK 22Kv và TBA 180KVA 10(22)-0.4KV cấp điện khu trung tâm hội nghị huyện Nga Sơn.	7.073.0	-	7.073.0	-	979.0	-	979.0	-	6.094.0	-	
33	Nạo vét kênh cân cụt để trữ nước chống hạn đoạn từ km0+000 đến km1+635 xã Nga Điền huyện Nga Sơn	387.0	-	387.0	-	200.0	-	200.0	-	187.0	-	
34	Nạo vét kênh Sao Sa, sửa chữa cải tạo cống tiêu tại KI+230 trên kênh Sao Sa xã Nga Trung, Nga Nhân phục vụ chống hạn năm 2015	632.0	-	632.0	-	320.0	-	320.0	-	312.0	-	
35	Bảo dưỡng mặt đê sông Hoat từ ngã Thặng đến Nga Thiện, huyện Nga Sơn (L: 12.9km); Tôn cao áp trực để chắn lũ trạm bơm Nga Thiện phục vụ phòng chống lụt bão năm 2014	94.0	94.0	-	-	94.0	-	94.0	-	-	94.0	
36	Đi chuyển cột số 15 lộ 971 khu Sân vận động huyện từ cột số 111 đến cột số 115 lộ 373E9.4	834.0	-	834.0	-	747.0	-	747.0	-	87.0	-	
37	Bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử đền thờ Mai An Tiêm, huyện Nga Sơn. Hạng mục: Nội thất đền mẫu và bộ bồn hoa BHH02, BHH05	94.0	-	94.0	-	-	-	-	-	94.0	-	
38	Cụm tin trên QL 10 xã Nga Giáp, Cụm tin trên đường tỉnh lộ 508 xã Nga Mỹ và Cụm tin Ngã Tư Sv xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn	351.0	-	351.0	-	125.0	-	125.0	-	226.0	-	
39	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500 Trung tâm thể dục thể thao huyện Nga Sơn	78.0	-	78.0	-	-	-	-	-	78.0	-	

Số	Nội dung	Nợ đọng XD/CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD/CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015-2016		Tổng số	Xử lý nợ KL. t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL. t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KL. t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
40	Cải tạo nâng cấp Sân nền khu đền thờ Mai An Tiêm, huyện Nga Sơn	811.0	-	811.0	-	150.0	-	150.0	-	661.0	-	
41	Sửa chữa công tường rào Trường THCS Chu Văn An, huyện Nga Sơn	531.0	-	531.0	-	60.0	-	60.0	-	471.0	-	
42	Khu liên hợp thể thao huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa Hạng mục: Các hạng mục phụ trợ	309.0	-	309.0	-	197.0	-	197.0	-	112.0	-	
43	Kê gia cố mái kênh khuôn viên trước công bệnh viện huyện Nga Sơn	432.0	-	432.0	-	60.0	-	60.0	-	372.0	-	
44	Trung tâm hội nghị huyện Nga Sơn	22.490.0	-	22.490.0	-	6.000.0	-	6.000.0	-	16.490.0	-	
46	QH Nạo vét tôn tạo cảnh quan sông voi, xã Nga Phú, huyện Nga Sơn	105.0	105.0	-	-	-	-	-	-	105.0	105.0	
47	Đường GI nội bộ trục Đông Lầy và nạo vét sông voi	11.452.0	-	11.452.0	-	3.200.0	-	3.200.0	-	8.252.0	-	
48	Cải tạo, nâng cấp Trường bán và công trường rao Ban chỉ huy quân sự huyện Nga Sơn	1.364.0	-	1.364.0	-	210.0	-	210.0	-	1.154.0	-	
49	Chợ, Trung tâm thương mại và khu dân cư Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn. - Hạng mục: Hạ tầng khu dân cư và tái định cư	3.220.0	-	3.220.0	-	600.0	-	600.0	-	2.620.0	-	
50	Chợ, Trung tâm thương mại và khu dân cư Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn - Hạng mục: San lấp mặt bằng khu dân cư và tái định cư	2.208.0	-	2.208.0	-	300.0	-	300.0	-	1.908.0	-	
51	Nhà quản lý khu di tích Mai An Tiêm huyện Nga Sơn	225.0	-	225.0	-	-	-	-	-	225.0	-	
52	Ton cao áp trục bờ kênh tưới trạm bơm Nga Thiện đoạn từ nghĩa địa đến cầu vào động từ thực phục vụ chống hạn năm 2015, huyện Nga Sơn	247.0	-	247.0	-	-	-	-	-	247.0	-	
53	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng Thị trấn Nga Sơn - Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng công cộng Thị trấn Nga Sơn và di chuyển ĐZ 10KV khu Chùa Kim, Quy Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn	2.938.0	1.469.0	1.469.0	-	-	-	-	-	2.938.0	1.469.0	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XD/CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD/CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015+2016		Tổng số	Xử lý nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KL t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
54	Nạo vét kênh cầu Rôm xã Nga Mỹ, Nga Hưng và sửa chữa kênh tiêu sau nhà máy winersvina phục vụ chống hạn năm 2015	228.0	-	228.0	-	-	-	-	-	228.0	-	
55	Cải tạo, nâng cấp đường vào sân vận động huyện Nga Sơn	1.115.0	-	1.115.0	-	-	-	-	-	1.115.0	-	
56	Nhà truyền thống huyện Nga Sơn	9.828.0	-	9.828.0	-	2.700.0	-	2.700.0	-	7.128.0	-	
57	Đường vào Sân vận động huyện Nga Sơn kéo dài	4.278.0	-	4.278.0	-	4.100.0	-	4.100.0	-	178.0	-	
58	Nhà làm việc Hội người mù và nhà bảo vệ Thị hành án, huyện Nga Sơn	568.0	-	568.0	-	90.0	-	90.0	-	478.0	-	
59	Cải tạo, nâng cấp đường Ngã Năm Hạnh đi Nga Thục ( Phần NS huyện)	862.0	-	862.0	-	150.0	-	150.0	-	712.0	-	
60	Sửa chữa tuyến đường GT Bắc Hưng Long ( Phần ngân sách huyện )	1.789.0	-	1.789.0	-	270.0	-	270.0	-	1.519.0	-	
61	Sửa chữa công tiêu tại Km1 - 550 trên kênh Văn Trường Thiện và Sửa chữa cầu tại Km2 - 773 trên kênh tưới Bắc trạm bơm Xa Loan xã Nga Hưng phục vụ chống hạn năm 2015	1.072.0	-	1.072.0	-	-	-	-	-	1.072.0	-	
62	Đắp đập ngăn mặn thượng nguồn sông Càn xã Nga Điền năm 2016	122.0	-	122.0	-	-	-	-	-	122.0	-	
63	Sửa chữa, cải tạo ao sen và cầu vào động Tư Thúc xã Nga Thiện	544.0	-	544.0	-	120.0	-	120.0	-	424.0	-	
64	Sửa chữa, vá lạng mặt nhựa tuyến đường giao thông từ chi nhánh điện đi thị trấn Nga Sơn, đoạn Km0 - 00 - Km0 - 370; Hạng mục: Sửa chữa và lạng mặt đường	470.0	-	470.0	-	-	-	-	-	470.0	-	
65	Kè mái kênh và năm dòng kênh Hưng, đoạn hạ lưu cầu Yên Hai khắc phục sạt lở bờ do mưa bão gây ra năm 2015;	1.094.0	-	1.094.0	-	180.0	-	180.0	-	914.0	-	
66	Nạo vét kênh tiêu cần cụt để trừ nước chống hạn vụ chiêm xuân 2016, đoạn từ K0 - 000 đến K2 - 020 xã Nga Điền, huyện Nga Sơn	194.0	-	194.0	-	-	-	-	-	194.0	-	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015 - 2016		Tổng số	Xử lý nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KL t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
67	Nhà bia nơi thành lập Đảng bộ huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	2.024,0	-	2.024,0	-	600,0	-	600,0	-	1.424,0	-	
68	Trung văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Xây dựng tường rào loại 2; loại 3	1.184,0	-	1.184,0	-	-	-	-	-	1.184,0	-	
69	Trung văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Xây dựng Sân bóng chuyền, sân bóng rổ và xà đơn	1.018,0	-	1.018,0	-	-	-	-	-	1.018,0	-	
70	Trung văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Sân để xe	1.183,0	-	1.183,0	-	-	-	-	-	1.183,0	-	
71	Trung văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Tường rào Sân Vận động	948,0	-	948,0	-	-	-	-	-	948,0	-	
72	Trung văn hóa Thể thao huyện Nga Sơn. Hạng mục: Tường rào nhà thi đấu	1.013,0	-	1.013,0	-	-	-	-	-	1.013,0	-	
73	Chợ, Trung tâm thương mại và khu dân cư Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn. Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật điện chợ, trung tâm thương mại, tái định cư và đường phía Tây chợ	6.607,0	-	6.607,0	-	-	-	-	-	6.607,0	-	
74	Cải tạo rãnh thoát nước đường Trung tâm Hành chính Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn	878,0	-	878,0	-	300,0	-	300,0	-	578,0	-	
75	Cải tạo nâng cấp vỉa hè, tuyến đường Tiên Phước huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	4.186,0	-	4.186,0	-	600,0	-	600,0	-	3.586,0	-	
76	Hệ thống thoát nước tự dòng Tỉnh Lộ 527 đi thôn Diên Hộ, xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	862,0	-	862,0	-	150,0	-	150,0	-	712,0	-	
77	Công chào Diên hộ xã Nga Diên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	760,0	-	760,0	-	200,0	-	200,0	-	560,0	-	
78	Công chào huyện tại vị trí đầu cầu Thâm xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn	712,0	-	712,0	-	200,0	-	200,0	-	512,0	-	
79	Hệ thống đèn trang trí tại Trung tâm Thị trấn Nga Sơn, tuyến đường vào Sân vận động kéo dài	539,0	-	539,0	-	300,0	-	300,0	-	239,0	-	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XD/CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD/CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KI. thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KI. thực hiện năm 2015+2016		Tổng số	Xử lý nợ KI. t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KI. t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KI. t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KI. t/hiện đến 31/12/2014	
<b>4</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
80	Trụ sở làm việc UBND huyện Nga Sơn. Hạng mục : Cải tạo, nâng cấp phòng khách tầng 2	271.0	-	271.0	-	-	-	-	-	271.0	-	
82	Đường GT khu dân cư thôn 1 xã Nga Mỹ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	985.0	-	985.0	-	900.0	-	900.0	-	85.0	-	
83	Duy tu bảo dưỡng cục bộ đường Tân Liên Thái thuộc xã Nga Tân, Nga Tiến, Nga Thái, huyện Nga Sơn	1.220.0	-	1.220.0	-	330.0	-	330.0	-	890.0	-	
84	Nân tuyến đê tả sông càn xã Nga Điền, huyện Nga Sơn	303.0	-	303.0	-	200.0	-	200.0	-	103.0	-	
<b>III</b>	<b>ĐA cấp xã, phường, thị trấn quản lý:</b>	<b>153,573.7</b>	<b>38,772.0</b>	<b>111,025.8</b>	<b>90,166.2</b>	<b>101,191.3</b>	<b>9,646.8</b>	<b>43,851.2</b>	<b>47,693.3</b>	<b>138,774.6</b>	<b>29,125.2</b>	-
<b>1</b>	<b>ĐA Chương trình XD nông thôn mới:</b>	<b>113,363.2</b>	<b>34,554.0</b>	<b>75,033.3</b>	<b>76,135.2</b>	<b>94,025.3</b>	<b>9,571.8</b>	<b>39,020.2</b>	<b>45,433.3</b>	<b>91,699.1</b>	<b>24,982.2</b>	-
	<b>XÃ NGA GIÁP</b>	<b>7,083.7</b>	<b>1,185.3</b>	<b>5,898.4</b>	<b>4,262.0</b>	<b>7,083.7</b>	<b>1,185.3</b>	<b>3,636.4</b>	<b>2,262.0</b>	<b>4,262.0</b>		
1	Sân lát mặt bằng chợ Đùn	51.7	51.7	-	-	51.7	51.7	-	-	-	-	
2	Nhà hiệu bộ trưởng THCS xã	153.0	153.0	-	-	153.0	153.0	-	-	-	-	
3	KKH Kênh mương B7A	278.6	278.6	-	-	278.6	278.6	-	-	-	-	
4	Kênh tưới tiêu B5a đoạn 1	76.2	76.2	-	-	76.2	76.2	-	-	-	-	
5	Kênh tưới tiêu B5a đoạn 2	625.8	625.8	-	-	625.8	625.8	-	-	-	-	
6	Trồng rào công sở	88.2	-	88.2	-	88.2	-	88.2	-	-	-	
7	Đường đôi 4 đi ngoại 2	57.2	-	57.2	-	57.2	-	57.2	-	-	-	
8	HT thoát nước từ xã đi làng ngoại	224.0	-	224.0	-	224.0	-	224.0	-	-	-	
9	Sân thể thao xã	558.0	-	558.0	-	558.0	-	558.0	-	-	-	
10	Cải tạo trạm xa	709.0	-	709.0	-	709.0	-	709.0	-	-	-	
11	Công sở 3 tầng	4,053.0	-	4,053.0	4,053.0	4,053.0	-	2,000.0	2,053.0	4,053.0	-	
12	Cầu qua kênh Nội 1	209.0	-	209.0	209.0	209.0	-	-	209.0	209.0	-	
	<b>XÃ NGA HẢI</b>				<b>12,537.5</b>	<b>5,724.5</b>		<b>1,869.5</b>	<b>3,855.0</b>	<b>6,813.0</b>		



Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015-2016		Tổng số	Xử lý nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL t/hiện năm 2015-2016	Cấp phát KL t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
1	Xây mới nhà công sở UBND	-	-	-	4.697,3	3.390,5	-	1.869,5	1.521,0	1.306,8	-	
2	Xây mới sân văn hóa	-	-	-	4.401,5	1.194,0	-	-	1.194,0	3.207,5	-	
3	Xây mới tường bao nghĩa địa cồn hum	-	-	-	913,2	215,0	-	-	215,0	698,2	-	
4	Xây mới tường bao nghĩa địa nương vực	-	-	-	656,0	215,0	-	-	215,0	441,0	-	
5	Xây mới tường bao nghĩa địa Hàm rồng	-	-	-	667,7	250,0	-	-	250,0	417,7	-	
6	Cải tạo khuôn viên UBND xã, kê ao phía nam	-	-	-	1.201,8	460,0	-	-	460,0	741,8	-	
	<b>XÃ NGA HƯNG</b>	<b>1.902,0</b>		<b>1.902,0</b>	<b>7.498,0</b>	<b>7.015,0</b>		<b>1.902,0</b>	<b>5.113,0</b>	<b>2.385,0</b>		
1	CT Trung tâm Văn hóa thể thao	1.902,0	-	1.902,0	2.469,0	3.515,0	-	1.902,0	1.613,0	856,0	-	
2	Đường GTN1 Tuyến 6 và tuyến 8	-	-	-	863,0	600,0	-	-	600,0	263,0	-	
3	CT Kênh mương tuyến 2	-	-	-	1.047,0	650,0	-	-	650,0	397,0	-	
4	CT DGT Tuyến 3	-	-	-	686,0	430,0	-	-	430,0	256,0	-	
5	CT DGT Tuyến 9	-	-	-	517,0	320,0	-	-	320,0	197,0	-	
6	CT Kênh mương 11 tuyến 1 và tuyến 10	-	-	-	916,0	750,0	-	-	750,0	166,0	-	
7	CT DGT Tuyến 4 mã cổ X1 đi mã châu	-	-	-	1.000,0	750,0	-	-	750,0	250,0	-	
	<b>XÃ NGA LIÊN</b>	<b>3.195,0</b>		<b>3.195,0</b>	<b>3.895,0</b>	<b>2.500,0</b>		<b>700,0</b>	<b>1.800,0</b>	<b>4.590,0</b>		
1	- Tuyến đường bên tín cầu vàng đi sông Liên thành: 1. 831m	863,0	-	863,0	863,0	500,0	-	500,0	-	1.226,0	-	
2	- Tuyến đường từ nhà bà cầu ra đê ngư ham 1	641,0	-	641,0	641,0	200,0	-	200,0	-	1.082,0	-	
3	- Văn phòng HIX Nga Liên	491,0	-	491,0	491,0	-	-	-	-	982,0	-	
4	- Trường THCS Nga Liên	1.200,0	-	1.200,0	-	-	-	-	-	1.200,0	-	
5	- Nhà Văn Hóa xã	-	-	-	1.900,0	1.800,0	-	-	1.800,0	100,0	-	
	<b>XÃ NGA NHÂN</b>	<b>3.639,0</b>		<b>3.639,0</b>	<b>1.459,0</b>	<b>3.715,0</b>		<b>2.850,0</b>	<b>865,0</b>	<b>1.383,0</b>		
1	XD công sở nhà làm việc 3 tầng	2.500,0	-	2.500,0	-	2.250,0	-	2.250,0	-	250,0	-	
2	XD đường GTN1 đường đi kênh N6	-	-	-	1.193,0	650,0	-	-	650,0	543,0	-	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XD/CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD/CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KI thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KI thực hiện năm 2015+2016		Tổng số	Xử lý nợ KI. 1/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KI. 1/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KI. 1/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KI 1/hiện đến 31/12/2014	
1	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
3	XD đường GT/NT đường Ông Phú xóm 4	1.139.0	-	1.139.0		600.0	-	600.0		539.0	-	
4	XD cầu bán qua kênh N6	-	-		266.0	215.0			215.0	51.0	-	
	<b>XÃ NGA PHÚ</b>	<b>1,844.0</b>	<b>1,844.0</b>			<b>73.0</b>	<b>73.0</b>			<b>1,771.0</b>	<b>1,771.0</b>	
1	Đường GT nông thôn Chính Nghĩa	20.0	20.0	-	-	-	-	-	-	20.0	20.0	
2	Đường GT nông thôn Phong Phú	20.0	20.0	-	-	-	-	-	-	20.0	20.0	
3	Kênh tưới tiêu Văn Đức Tân Thịnh	64.0	64.0	-	-	-	-	-	-	64.0	64.0	
4	Tu sửa nhà 11 - 4P THCS	23.0	23.0	-	-	-	-	-	-	23.0	23.0	
5	Sân Văn hoá xã (Sân nền)	372.0	372.0	-	-	-	-	-	-	372.0	372.0	
6	Cầu bán	21.0	21.0	-	-	7.0	7.0	-	-	14.0	14.0	
7	Đường giao thông Sân vận động	33.0	33.0	-	-	10.0	10.0	-	-	23.0	23.0	
8	Sân Văn hoá xã (mặt nền sân khấu)	23.0	23.0	-	-	-	-	-	-	23.0	23.0	
9	Đường giao thông NT xóm Nhân sơn	20.0	20.0	-	-	6.0	6.0	-	-	14.0	14.0	
10	Sân vận hóa (công, hàng rào, sân khấu)	505.0	505.0	-	-	20.0	20.0	-	-	485.0	485.0	
11	Nhà văn hóa xã	743.0	743.0	-	-	30.0	30.0	-	-	713.0	713.0	
	<b>XÃ NGA TÂN</b>	<b>515.0</b>	<b>515.0</b>							<b>515.0</b>	<b>515.0</b>	
1	Nhà công sở xã	92.0	92.0	-	-	-	-	-	-	92.0	92.0	
2	Đường GT ra bến cá tuyến 1	55.0	55.0	-	-	-	-	-	-	55.0	55.0	
3	Đường GT ra bến cá tuyến 2	28.0	28.0	-	-	-	-	-	-	28.0	28.0	
4	Đường GT ra bến cá tuyến 3	155.0	155.0	-	-	-	-	-	-	155.0	155.0	
5	Giao thông nội đồng 2012	76.0	76.0	-	-	-	-	-	-	76.0	76.0	
6	Giao thông nội đồng 2013	109.0	109.0	-	-	-	-	-	-	109.0	109.0	
	<b>XÃ NGA THẠCH</b>	<b>1,681.0</b>	<b>1,681.0</b>							<b>1,681.0</b>	<b>1,681.0</b>	
1	Trương trạm vận	160.0	160.0	-	-	-	-	-	-	160.0	160.0	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KI thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KI thực hiện năm 2015 - 2016		Tổng số	Xử lý nợ KI thực hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KI thực hiện năm 2015 - 2016	Cấp phát KI thực hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KI thực hiện đến 31/12/2014	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		<i>(2+3)</i>				<i>(6+7+8)</i>				<i>(***)</i>	<i>(2-6)</i>	
2	Sân vận động	43.0	43.0	-	-	-	-	-	-	43.0	43.0	
3	Đường tuyến ông Chèo, gốc Đa	201.0	201.0	-	-	-	-	-	-	201.0	201.0	
4	Đường tuyến ông Suốt, Đa Lũy	163.0	163.0	-	-	-	-	-	-	163.0	163.0	
5	Kênh vùng 3 - vùng 6	373.0	373.0	-	-	-	-	-	-	373.0	373.0	
6	Đường ông Dy - Bãi Nghè	344.0	344.0	-	-	-	-	-	-	344.0	344.0	
7	Cải tạo nâng cấp công sở	46.0	46.0	-	-	-	-	-	-	46.0	46.0	
8	Chợ Chùa	252.0	252.0	-	-	-	-	-	-	252.0	252.0	
9	Trạm y tế	82.0	82.0	-	-	-	-	-	-	82.0	82.0	
10	Đường tuyến 5.6.7	17.0	17.0	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0	
	<b>XÃ NGA THÁI</b>				<b>15,138.0</b>	<b>9,620.0</b>			<b>9,620.0</b>	<b>5,518.0</b>		
1	Công sở xã	-	-	-	9.670.0	8.240.0	-	-	8.240.0	1.430.0	-	
2	Sân văn hóa thể thao xã	-	-	-	5.468.0	1.380.0	-	-	1.380.0	4.088.0	-	
	<b>XÃ NGA THẮNG</b>	<b>1,540.9</b>		<b>1,540.9</b>	-	<b>1,148.6</b>			<b>1,148.6</b>	<b>392.3</b>	-	
1	Cải tạo nâng cấp trường THCS Nga Thắng	970.8		970.8		828.6	-	-	828.6	142.2	-	
2	Nằm nhà bia đặt tại địa điểm D11.SCM	570.1		570.1		320.0	-	-	320.0	250.1	-	
	<b>XÃ NGA THANH</b>	<b>8,366.0</b>	<b>4,183.0</b>	<b>4,183.0</b>	<b>8,048.0</b>	<b>11,848.0</b>	<b>1,900.0</b>	<b>1,900.0</b>	<b>8,048.0</b>	<b>4,566.0</b>	<b>2,283.0</b>	
1	XD đường xóm 2	1.100.0	550.0	550.0	1.213.0	2.013.0	400.0	400.0	1.213.0	300.0	150.0	
2	Xđ đường xóm 5	1.400.0	700.0	700.0	1.135.0	2.135.0	500.0	500.0	1.135.0	400.0	200.0	
3	XD công sở nhà làm việc UBND xã	5.866.0	2.933.0	2.933.0	5.700.0	7.700.0	1.000.0	1.000.0	5.700.0	3.866.0	1.933.0	
	<b>XÃ NGA THÁNH</b>	<b>3,251.0</b>	<b>863.0</b>	<b>2,388.0</b>						<b>3,251.0</b>	<b>863.0</b>	
1	- Dự án nâng cấp nhà văn hóa	863.0	863.0	-	-	-	-	-	-	863.0	863.0	
2	- Đường em hữu nước tự ban	246.0	-	246.0	-	-	-	-	-	246.0	-	
3	- Đường nội nga lên đi Nga Thành	223.0	-	223.0	-	-	-	-	-	223.0	-	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015-2016		Tổng số	Xử lý nợ KL thực hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL thực hiện năm 2015-2016	Cấp phát KL thực hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL thực hiện đến 31/12/2014	
4	<b>B</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
4	- Đường nối Nga Thànhđi Nga An 403	231.0	-	231.0	-	-	-	-	-	231.0	-	
5	- Đường nối Nga Thànhđi Nga An 993	158.0	-	158.0	-	-	-	-	-	158.0	-	
6	- Đường Ngõ trong đi Trang trại	121.0	-	121.0	-	-	-	-	-	121.0	-	
7	- Đường vào nghĩa địa ma lớn	348.0	-	348.0	-	-	-	-	-	348.0	-	
8	- Đường vào khu trang trại chăn thông	304.0	-	304.0	-	-	-	-	-	304.0	-	
9	- Kênh ống tôn đi ống hanh	194.0	-	194.0	-	-	-	-	-	194.0	-	
10	- Cầu qua kênh vượt cấp tạ Km 648	563.0	-	563.0	-	-	-	-	-	563.0	-	
	<b>XÃ NGA THỦY</b>	<b>2,140.0</b>		<b>2,140.0</b>	<b>1,960.0</b>	<b>1,045.0</b>		<b>1,045.0</b>	<b>-</b>	<b>3,055.0</b>		
1	- Dự án cải tạo khuôn viên và các hạng mục phụ trợ công sở	1,776.0	-	1,776.0	-	1,045.0	-	1,045.0	-	731.0	-	
2	- Dự án cải tạo nâng cấp công sở UBND xã Nga Thủy HM: khuôn viên UBND xã	364.0	-	364.0	-	-	-	-	-	364.0	-	
3	Dự án ki ốt chợ và nhà vệ sinh	-	-	-	990.0	-	-	-	-	990.0	-	
4	Dự án chợ trung tâm. HM. hạ tầng kỹ thuật	-	-	-	970.0	-	-	-	-	970.0	-	
	<b>XÃ NGA TIẾN</b>	<b>5,478.0</b>	<b>383.0</b>	<b>5,095.0</b>	<b>2,500.0</b>	<b>4,569.0</b>		<b>3,269.0</b>	<b>1,300.0</b>	<b>3,409.0</b>	<b>383.0</b>	
1	Cầu tiến thành	181.0	181.0	-	-	-	-	-	-	181.0	181.0	
2	Đường giao thông xóm 1	105.0	105.0	-	-	-	-	-	-	105.0	105.0	
3	Đường giao thông tuyến 2 dự án 257	97.0	97.0	-	-	-	-	-	-	97.0	97.0	
4	Đường giao thông trên đê 2	769.0	-	769.0	-	769.0	-	769.0	-	-	-	
5	Trung tâm VH thể thao	4,326.0	-	4,326.0	2,500.0	3,800.0	-	2,500.0	1,300.0	3,026.0	-	
	<b>XÃ NGA TRƯỞNG</b>	<b>14,190.0</b>	<b>3,500.0</b>	<b>10,690.0</b>	<b>1,200.0</b>	<b>8,800.0</b>	<b>3,500.0</b>	<b>3,400.0</b>	<b>1,900.0</b>	<b>6,590.0</b>		
1	Công trình công sở xã Nga Trưởng	7,480.0	3,500.0	3,980.0	-	6,700.0	3,500.0	2,600.0	600.0	780.0	-	
2	Công trình lắp dựng nghĩa địa	3,310.0	-	3,310.0	700.0	700.0	-	-	700.0	3,310.0	-	
3	Công trình nhà đa năng trường tiểu học	3,400.0	-	3,400.0	500.0	1,400.0	-	800.0	600.0	2,500.0	-	
	<b>XÃ NGA VẤN</b>	<b>21,542.6</b>	<b>11,547.6</b>	<b>9,995.0</b>	<b>7,129.8</b>	<b>10,296.5</b>	<b>793.5</b>	<b>6,598.3</b>	<b>2,904.7</b>	<b>18,375.9</b>	<b>10,754.1</b>	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XD/CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD/CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015+2016		Tổng số	Xử lý nợ KL t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL t/hiện năm 2015+2016	Cấp phát KL t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL thực hiện đến 31/12/2014	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
1	Đường bê tông xóm 1-3	1.562,3	1.562,3	-	-	897,5	-	747,5	150,0	664,8	1.562,3	
2	Đường bê tông xóm 2-6-9	1.914,7	1.914,7	-	-	830,4	-	680,4	150,0	1.084,3	1.914,7	
3	Đường bê tông xóm 10	477,8		477,8	-	309,6	-	309,6	-	168,2	-	
4	Tường rào, công chợ Hoàng	499,8		499,8	-	360,0	-	360,0	-	139,8	-	
5	Đường bê tông Hoàng Tiến	41,8	41,8	-	-	-	-	-	-	41,8	41,8	
6	Đường bê tông Văn Tiến	12,3	12,3	-	-	-	-	-	-	12,3	12,3	
7	Đường bê tông Xuân Tiến	49,7	49,7	-	-	-	-	-	-	49,7	49,7	
8	Cống thoát nước đường GI	539,8	539,8	-	-	-	-	-	-	539,8	539,8	
9	Kênh Miếu	102,6	102,6	-	-	51,9	51,9	-	-	50,7	50,7	
10	Kênh Hoàng Tiến, Văn Tiến	1.024,0	1.024,0	-	-	868,0	358,0	510,0	-	156,0	666,0	
11	Kênh thượng lưu cầu măng	428,2	428,2	-	-	413,5	150,0	263,5	-	14,7	278,2	
12	Kênh Tây Xuân Tiến	310,3	310,3	-	-	285,5	233,6	51,9	-	24,8	76,7	
13	Nhà VH xã	2.081,4	2.081,4	-	-	1.805,5	-	820,4	985,1	275,9	2.081,4	
14	Khuôn viên công eo	1.178,3	-	1.178,3	-	700,0	-	700,0	-	478,3	-	
15	Nhà công vụ	1.152,4	-	1.152,4	-	900,0	-	350,0	550,0	252,4	-	
16	Nhà lều chợ Hoàng	1.006,3	-	1.006,3	-	619,6	-	300,0	319,6	386,7	-	
17	Sàn lắp MB chợ Hoàng	835,3	-	835,3	-	-	-	-	-	835,3	-	
18	Đường GI cầu Thổ đi Gò Bình	1.213,1	-	1.213,1	-	550,0	-	250,0	300,0	663,1	-	
19	Đường GI ở Ninh đi Đồng Lạc	1.467,5	-	1.467,5	-	550,0	-	250,0	300,0	917,5	-	
20	Đường GI xóm 9 đi đường núi Sơn	1.588,1	-	1.588,1	-	305,0	-	155,0	150,0	1.283,1	-	
21	Đường GI Gò Bình đi đập ở Tru	306,8	-	306,8	-	-	-	-	-	306,8	-	
22	Đường GI tây sạt Vận động	269,6	-	269,6	-	-	-	-	-	269,6	-	
23	Công sự	3.480,5	3.480,5	-	-	850,0	-	850,0	-	2.630,5	3.480,5	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015-2016		Tổng số	Xử lý nợ KL thực hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL thực hiện năm 2015+2016	Cấp phát KL thực hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL thực hiện đến 31/12/2014	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
24	Đường GIND: Hàng mục Chối vôi - Đội vung	-	-	-	930,9	-	-	-	-	930,9	-	
25	Đường cấp khối Ó Mậu đi gò tre; đường Xuân Đài đi đồng Bát	-	-	-	1.026,0	-	-	-	-	1.026,0	-	
26	Đường cấp khối Ó Quế đi cầu gò Bình; đường Xuân Đài đi đồng Bát	-	-	-	523,0	-	-	-	-	523,0	-	
27	Trung tâm VH thể thao xã Nga Văn	-	-	-	4.649,9	-	-	-	-	4.649,9	-	
	<b>XÃ NGA VỊNH</b>	<b>6,957,0</b>	<b>2,135,0</b>	<b>4,822,0</b>	<b>6,732,0</b>	<b>11,937,0</b>	<b>920,0</b>	<b>4,400,0</b>	<b>6,617,0</b>	<b>1,754,0</b>	<b>1,215,0</b>	
1	Khuôn viên khuôn viên công sở	1.103,0	-	1.103,0	-	840,0	-	840,0	-	263,0	-	
2	Nhà lớp học chức năng 2 phòng Tiểu học	360,0	-	360,0	717,0	850,0	-	350,0	500,0	227,0	-	
3	Sửa chữa cải tạo Đài tưởng niệm liệt sỹ	-	-	-	527,0	529,0	-	-	529,0	-	-	
4	Nhà Văn Hóa xã	-	-	-	5.488,0	5.488,0	-	-	5.488,0	-	-	
5	Công sở xã	5.494,0	2.135,0	3.359,0	-	4.230,0	920,0	3.210,0	100,0	1.264,0	1.215,0	
	<b>XÃ NGA YÊN</b>	<b>13,000,0</b>	<b>1,200,0</b>	<b>11,800,0</b>		<b>8,650,0</b>	<b>1,200,0</b>	<b>7,450,0</b>		<b>4,350,0</b>		
1	Sân nền, công trường rào, nhà làm việc CA	1.560,0	-	1.560,0	-	1.000,0	-	1.000,0	-	560,0	-	
2	Nhà văn hóa, nhà công sở	4.500,0	-	4.500,0	-	2.500,0	-	2.500,0	-	2.000,0	-	
3	Nhà 2 tầng trạm Y tế	550,0	-	550,0	-	300,0	-	300,0	-	250,0	-	
4	Công trình phụ trợ trạm Y tế	450,0	-	450,0	-	300,0	-	300,0	-	150,0	-	
5	Đường GIND tuyến số 1 đến số 4	300,0	300,0	-	-	300,0	300,0	-	-	-	-	
6	Đường GIND tuyến số 5 đến số 10,2	500,0	500,0	-	-	500,0	500,0	-	-	-	-	
7	Đường GIND tuyến số 11 đến số 12	400,0	400,0	-	-	400,0	400,0	-	-	-	-	
8	Đường GIND tuyến số 1 đến số 3	350,0	-	350,0	-	250,0	-	250,0	-	100,0	-	
9	Đường GIND tuyến số 4 đến số 6	450,0	-	450,0	-	350,0	-	350,0	-	100,0	-	
10	Đường GIND tuyến số 7 đến số 9	300,0	-	300,0	-	200,0	-	200,0	-	100,0	-	
11	Kiến cơ học KM1 và Chậu giã đến công 4 cửa	450,0	-	450,0	-	350,0	-	350,0	-	100,0	-	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng NĐCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng NĐCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KI thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KI thực hiện năm 2015-2016		Tổng số	Xử lý nợ KI 1/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KI 1/hiện năm 2015-2016	Cấp phát KI 1/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KI thực hiện đến 31/12/2014	
<b>1</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
12	Sân đường nội bộ, bê cạnh, bồn hoa	1.540,0	-	1.540,0	-	1.000,0	-	1.000,0	-	540,0	-	
13	Đường nối từ trạm Yên vĩ đường Yên Hải	700,0	-	700,0	-	500,0	-	500,0	-	200,0	-	
14	Đường GT nạo vét kênh mương	400,0	-	400,0	-	300,0	-	300,0	-	100,0	-	
15	Đường mương vằng rau an toàn	550,0	-	550,0	-	400,0	-	400,0	-	150,0	-	
	<b>XÃ NGA MỸ</b>	<b>17,038,0</b>	<b>5,517,1</b>	<b>7,745,0</b>	<b>3,775,9</b>					<b>17,037,9</b>	<b>5,517,1</b>	
1	Đường GT tuyến trạm y tế đi thôn 7	303,0	303,0	-	-	-	-	-	-	303,0	303,0	
2	Đường GT tuyến 5,6,7	749,8	749,8	-	-	-	-	-	-	749,8	749,8	
3	Kênh mương thôn 2 và thôn 8	163,9	163,9	-	-	-	-	-	-	163,9	163,9	
4	CT phụ trợ công trường rào UB	911,9	100,0	811,9	-	-	-	-	-	911,9	100,0	
5	CT trạm y tế xã nga mỹ	839,1	600,0	239,1	-	-	-	-	-	839,1	600,0	
6	Đường GINT Thôn 1 - 12 đi 17	559,0	450,0	109,0	-	-	-	-	-	559,0	450,0	
7	Đường GINT thôn 2 và thôn 8	412,2	365,0	47,2	-	-	-	-	-	412,2	365,0	
8	Đường GINT thôn 8 : Kênh N1 đến ruộng mặt thôn 8	512,2	410,0	102,2	-	-	-	-	-	512,2	410,0	
9	Đường GT tuyến thôn 4 và thôn 5	948,0	685,0	263,0	-	-	-	-	-	948,0	685,0	
10	Kênh mương thôn 5 và thôn 6	66,9	66,9	-	-	-	-	-	-	66,9	66,9	
11	Đường GINT T4 508 đi N3	326,3	326,3	-	-	-	-	-	-	326,3	326,3	
12	CT sân văn xã Nga Mỹ	549,9	300,0	249,9	-	-	-	-	-	549,9	300,0	
13	Đường GINT 7,8,9,10	64,3	64,3	-	-	-	-	-	-	64,3	64,3	
14	DGINT tuyến QL 10- đi xóm trại	167,0	167,0	-	-	-	-	-	-	167,0	167,0	
15	DGINT tuyến mới 1,2,3,4	872,0	650,0	222,0	-	-	-	-	-	872,0	650,0	
16	Nhà tập dượt nâng	2.800,7	0,0	2.800,7	-	-	-	-	-	2.800,7		
17	Công trường rào Nhà Đ. nâng	115,9	115,9	-	-	-	-	-	-	115,9	115,9	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XD CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015-2016		Tổng số	Xử lý nợ KL. t/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL. t/hiện năm 2015-2016	Cấp phát KL. t/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL. t/hiện đến 31/12/2014	
<b>4</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		<b>(2+3)</b>				<b>(6+7+8)</b>				<b>(***)</b>	<b>(2-6)</b>	
18	Đường giao thông thôn 1, thôn 2 (Tuyến 1 đường bà bốn đi công ty môi trường )	484.0	-	100.0	384.0	-	-	-	-	484.0	-	
19	Đường giao thông thôn 1, thôn 2 và thôn 8 (Tuyến 1 đoạn 2 từ K0-665 đến K0-909 đường đất ở bà bốn đi công ty môi trường. Thôn 1:2 và tuyến 3 đường)	380.3	-	120.0	260.3	-	-	-	-	380.3	-	
20	Đường giao thông thôn 8 (Tuyến 2 đường gò giữa và Tuyến 9 đường đồng 1 đi kênh N1)	337.4	-	110.0	227.4	-	-	-	-	337.4	-	
21	Kênh mương nội đồng (Tuyến 2 kênh gò giữa thôn 8)	834.6	-	500.0	334.6	-	-	-	-	834.6	-	
22	Kênh nội đồng thôn 1 xã Nga Mỹ (Tuyến 1 kênh đất ở bà bốn đi công ty môi trường)	1.171.9	-	500.0	671.9	-	-	-	-	1.171.9	-	
23	Đường GI NĐ T5 và T6 : Tuyến 17 đi lo gạch 15-269m: Tuyến 8 đường đồng lâu đi thôn 6 248m	758.4	-	220.0	538.4	-	-	-	-	758.4	-	
24	Đường GI NĐ thôn 4 thôn 5 và thôn 6 (Tuyến 4 đường đồng điền 17-228m: Tuyến 5 đường ống dương đi Ông Chuyền thôn 4-205m: Tuyến 6 đường dọc đồng thôn 4-203m	799.3	-	450.0	349.3	-	-	-	-	799.3	-	
25	Nạo vét kênh mương nội đồng QL 10 đi trang trại ông an thôn 21-253.8m	1.151.6	-	600.0	551.6	-	-	-	-	1.151.6	-	
26	Đường GI thôn 5 và thôn 6 : Tuyến 7 đường lo gạch đi đất lộn thôn 5 1-269m : Tuyến 8 đường đồng lâu thôn 6-248 m	758.4	-	300.0	458.4	-	-	-	-	758.4	-	
<b>2</b>	<b>DA khác:</b>	<b>40.210.5</b>	<b>4.218.0</b>	<b>35.992.5</b>	<b>14.031.0</b>	<b>7.166.0</b>	<b>75.0</b>	<b>4.831.0</b>	<b>2.260.0</b>	<b>47.075.5</b>	<b>4.143.0</b>	
	<b>XÃ NGA AN</b>	<b>6.345.5</b>		<b>6.345.5</b>						<b>6.345.5</b>		
1	Nhà truyền thông	200.0	-	200.0	-	-	-	-	-	200.0	-	
2	Các hạng mục phụ trợ Nhà 11	700.0	-	700.0	-	-	-	-	-	700.0	-	
3	Đường GI tuyến QL 10-X9	100.0	-	100.0	-	-	-	-	-	100.0	-	
4	Đường GI tuyến Ông sơ đi đập Lân NSH	190.0	-	190.0	-	-	-	-	-	190.0	-	



Số TT	Nội dung	Nợ đọng XDCB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XDCB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015-2016		Tổng số	Xử lý nợ KL 1/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL 1/hiện năm 2015-2016	Cấp phát KL 1/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL 1/hiện đến 31/12/2014	
4	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		(2+3)				(6-7+8)				(***)	(2-6)	
5	Kênh Ông Hùng đi ông Lơ xóm 3	556,5	-	556,5	-	-	-	-	-	556,5	-	
6	Kênh sau Mào đi ông Hùng Xóm 5	433,4	-	433,4	-	-	-	-	-	433,4	-	
7	Kênh ông Hùng đi xóm 2	526,0	-	526,0	-	-	-	-	-	526,0	-	
8	Kênh cửa Hung thôn 12	458,5	-	458,5	-	-	-	-	-	458,5	-	
9	Kênh Tây đồ thôn 11	225,5	-	225,5	-	-	-	-	-	225,5	-	
10	Kênh làn chông thôn 9	664,4	-	664,4	-	-	-	-	-	664,4	-	
11	Trường Mầm non xã nga an	2.291,1	-	2.291,1	-	-	-	-	-	2.291,1	-	
	<b>XÃ NGA PHÚ</b>	<b>270,0</b>	<b>270,0</b>							<b>270,0</b>	<b>270,0</b>	
1	Trường THCS 21- 6P	229,0	229,0	-	-	-	-	-	-	229,0	229,0	
2	Đường ra khu SX xóm 2, xóm 3	41,0	41,0	-	-	-	-	-	-	41,0	41,0	
	<b>XÃ NGA TÂN</b>	<b>2.279,0</b>	<b>1.196,0</b>	<b>1.083,0</b>		<b>169,0</b>	<b>75,0</b>	<b>94,0</b>		<b>2.110,0</b>	<b>1.121,0</b>	
1	Nhà vệ sinh khu công sở xã	23,0	23,0	-	-	-	-	-	-	23,0	23,0	
2	Nhà bếp ăn trường mầm non	15,0	15,0	-	-	-	-	-	-	15,0	15,0	
3	Nhà bia trưng niệm L.S	722,0	361,0	361,0	-	30,0	-	30,0	-	692,0	361,0	
4	XĐ 3 cầu giao thông sông 10	1.441,0	722,0	722,0	-	64,0	-	64,0	-	1.380,0	722,0	
5	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng MN	75,0	75,0	-	-	75,0	75,0	-	-	-	-	
	<b>XÃ NGA THÁI</b>				<b>5.510,0</b>	<b>2.260,0</b>			<b>2.260,0</b>	<b>3.250,0</b>		
1	Trường mầm non xã				5.510,0	2.260,0			2.260,0	3.250,0		
	<b>XÃ NGA THỦY</b>	<b>2.543,0</b>		<b>2.543,0</b>		<b>2.376,0</b>		<b>2.376,0</b>		<b>167,0</b>		
1	Dự án nhà lớp học 6P 1 tầng	2.034,0	-	2.034,0	-	1.993,0	-	1.993,0	-	41,0	-	
2	Dự án tu sửa ba trường	428,0	-	428,0	-	383,0	-	383,0	-	45,0	-	
3	Dự án nhà vệ sinh trường mầm non	81,0	-	81,0	-	-	-	-	-	81,0	-	
	<b>THỊ TRẤN NGA SƠN</b>	<b>28.773,0</b>	<b>2.752,0</b>	<b>26.021,0</b>	<b>8.521,0</b>	<b>2.361,0</b>		<b>2.361,0</b>		<b>34.933,0</b>	<b>2.752,0</b>	

Số TT	Nội dung	Nợ đọng XD/CB đến hết niên độ 2016 chuyển 2017			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2017	Kế hoạch vốn 2017 đã bố trí				Nợ đọng XD/CB đến ngày 15/8/2017 còn phải xử lý		Ghi chú
		Tổng số	Nợ KL thực hiện tính đến 31/12/2014	Nợ KL thực hiện năm 2015 + 2016		Tổng số	Xử lý nợ KL 1/hiện đến 31/12/2014	Xử lý nợ KL 1/hiện năm 2015 + 2016	Cấp phát KL 1/hiện năm 2017	Tổng số	Trong đó: nợ KL 1/hiện đến 31/12/2014	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>
		(2+3)				(6+7+8)				(***)	(2-6)	
1	Cải tạo chỉnh trang vỉa hè Sông Bắc Hưng Long từ cầu kênh đến trường THPT Ba đình	79,0	79,0	-	-	-	-	-	-	79,0	79,0	
2	Đường hạ tầng khu dân cư Ba Đình 1	373,0	-	373,0	-	172,0	-	172,0	-	201,0	-	
3	Sàn nền hạ tầng KDC BBD1	632,0	-	632,0	-	433,0	-	433,0	-	199,0	-	
4	Cải tạo công sở Thị Trấn	22,0	22,0	-	-	-	-	-	-	22,0	22,0	
5	Cải tạo công sở Thị Trấn giai đoạn 2	311,0	311,0	-	-	-	-	-	-	311,0	311,0	
6	Cải tạo chỉnh trang nghĩa trang Vườn Trại	741,0	741,0	-	-	-	-	-	-	741,0	741,0	
7	Cải tạo chỉnh trang nghĩa trang Đồng 1	674,0	674,0	-	-	-	-	-	-	674,0	674,0	
8	Cải tạo trường THCS thành Trường Mầm Non	225,0	225,0	-	-	-	-	-	-	225,0	225,0	
9	Cải tạo trường THCS thành Trường Mầm Non giai đoạn 2	553,0	553,0	-	-	-	-	-	-	553,0	553,0	
10	Đường giao thông từ nhà Ông Hội đi 527	147,0	147,0	-	-	-	-	-	-	147,0	147,0	
11	Chợ Trưng tâm thương mại Thị Trấn Nga Sơn	10.970,0	-	10.970,0	-	-	-	-	-	10.970,0	-	
12	Cải tạo trạm Y tế Thị trấn Nga Sơn	2.022,0	-	2.022,0	-	862,0	-	862,0	-	1.160,0	-	
13	Đường đi vào nhà VH Tiếu khu 3	736,0	-	736,0	-	160,0	-	160,0	-	576,0	-	
14	Sân rãnh trường Tiểu học	828,0	-	828,0	-	356,0	-	356,0	-	472,0	-	
15	Sửa chữa hệ thống đài truyền thanh Thị trấn	66,0	-	66,0	-	-	-	-	-	66,0	-	
16	Nhà tập Đa năng trường THPT thị trấn	1.496,0	-	1.496,0	-	-	-	-	-	1.496,0	-	
17	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng & sinh hoạt các KDC mới	1.865,0	-	1.865,0	-	200,0	-	200,0	-	1.665,0	-	
18	Cải tạo mở rộng Đường Phạm Minh Thanh	3.772,0	-	3.772,0	-	-	-	-	-	3.772,0	-	
19	Đổi bậc nhà VH Ba Đình 2 đi đường Bà	3.261,0	-	3.261,0	-	178,0	-	178,0	-	3.083,0	-	
20	Hệ thống thoát nước KDC TKBD2	-	-	-	237,0	-	-	-	-	237,0	-	
21	Đổi QLô 10 đi nhà VH Hưng long và KDC	-	-	-	909,0	-	-	-	-	909,0	-	
22	Đường khu dân cư Đường thông	-	-	-	1.613,0	-	-	-	-	1.613,0	-	